

Bản án số: 230/2024/HS-ST
Ngày: 01/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Minh; Ông Phan Minh Tuấn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 162/2024/TLST-HS ngày 28/6/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2024/QĐXXST-HS ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đối với các Bị cáo:

1. Họ và tên: **Phan Văn C**; **Sinh năm: 1991**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; Địa chỉ nơi ở trước khi bị bắt: P.302/nhà N, ngõ C đường N, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Phan Văn T; Con bà: Nguyễn Thị H; Gia đình Bị cáo có 02 anh em, Bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị Thùy L (*Đã ly hôn*); Bị cáo có 03 con (*Con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2014*);

Tiền sự: không;

Tiền án: 01 tiền án: Bản án số: 230/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt Phan Văn C 30 tháng tù về tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án (*Chưa được xóa án tích*).

Bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại Điều a Khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H.

2. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc C1; Sinh năm: 2002**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã Đ, huyện P, thành phố Hà Nội; Địa chỉ nơi ở trước khi bị bắt: P.702, số nhà E, đường M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Ngọc D; Con bà: Kiều Thị H1; Gia đình Bị cáo có 02 anh em, Bị cáo là con thứ nhất; Vợ/Con: Không; Trích lục tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H.

3. Họ và tên: **Hà Đức V; Sinh năm: 1999**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Địa chỉ nơi ở trước khi bị bắt: P.702, số nhà E, đường M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Con ông: Hà Đức Đ; Con bà: Đoàn Thị G; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ/Con: Không; Trích lục tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H.

Người bào chữa cho Bị cáo Hà Đức V: Ông Trương Công Đ1; Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm T3, thành phố Hà Nội;

(Các Bị cáo và Người bào chữa cho Bị cáo Hà Đức V có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 10 giờ 15 phút ngày 18/01/2024, Công an phường M, quận N, thành phố Hà Nội nhận được tin báo tại Phòng 703, số nhà E đường M, phường M có nhiều người tụ tập nghi sử dụng ma túy nên tiến hành kiểm tra phát hiện trong phòng có 03 nam, nữ thanh niên gồm: Nguyễn Ngọc C1, Hà Đức V và Nguyễn Ngọc Bích T1 (*Sinh ngày 04/01/2007; HKTT: Ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu*). Quá trình kiểm tra, C1, V và T1 đều khai nhận mới sử dụng ma túy “kẹo” và “ke” cùng với Phan Văn C tại phòng 302/nhà N, ngõ C đường N, phường M, quận N, Hà Nội. Tiếp tục kiểm tra phòng 302 có Phan Văn C và C khai vừa sử dụng ma túy với C1, V và T1 nên Công an phường M đã lập biên bản, tạm giữ vật chứng và dẫn giải C, C1, V và T1 về trụ sở Công an phường M để xác minh làm rõ.

Vật chứng tạm giữ của Nguyễn Ngọc C1: 01 túi nilông, kích thước khoảng (4x5)cm, bên trong có 02 mảnh viên nén màu trắng (nghi là ma túy) và 01 điện

thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax có gắn 01 sim điện thoại; Tạm giữ của Phan Văn C: 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 01 loa màu đen và 01 đèn chiếu Lazer màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax có gắn 01 sim điện thoại; Tạm giữ của Hà Đức V: 01 điện thoại di động Iphone XS Max màu đen, có gắn 01 sim điện thoại; Tạm giữ của Nguyễn Ngọc B Trâm: 01 điện thoại di động OPPO màu trắng có gắn 01 sim điện thoại;

Quá trình điều tra xác định: Phan Văn C là người hay sử dụng ma túy và làm nghề điều hành dịch vụ cung cấp nữ đi hát Karaoke. C thuê trọ ở tại phòng 302/nhà N, ngõ C đường N, phường M, quận N, thành phố Hà Nội và thuê phòng 703, số nhà E đường M, phường M, N, Hà Nội cho các nhân viên ở, trong đó có: Hà Đức V, Nguyễn Ngọc C1 và Nguyễn Ngọc Bích T1.

Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 01 giờ ngày 18/01/2024, Phan Văn C khi đang ở khu vực số B đường L, phường M, N, Hà Nội đã điện thoại cho Nguyễn Ngọc C1 và bảo C1 ứng tiền mua ma túy “kẹo, ke” mang về phòng trọ của C để cùng sử dụng “hết bao nhiêu tiền thì C sẽ trả sau”, C1 đồng ý. Do lúc này, C1 đang uống rượu với bạn tại quán Bar ở khu vực H, Hà Nội (*C1 không nhớ địa chỉ*) nên C1 đã hỏi những người khách khác đang chơi ở trong quán Bar thì được chỉ dẫn đi ra ngoài đường rẽ phải cách cửa quán khoảng 50m tìm gặp một người đàn ông hay đứng ở đó hỏi mua ma túy “kẹo, ke” là có. Sau đó, theo chỉ dẫn C1 đã ra khu vực cửa quán B1 gặp một người đàn ông và hỏi mua 03 viên ma túy “kẹo” và ma túy “ke” với giá 2.800.000 đồng thì người này bảo C1 đứng đợi khoảng 05 phút sau đó quay lại và chỉ dẫn cho C1 đi ra góc cây gần đó tìm bên trong vỏ bao thuốc lá T4 để sẵn ở dưới đất. Theo chỉ dẫn, C1 đã lấy được 01 túi nilông bên trong chứa 03 viên ma túy “kẹo” dạng viên nén màu trắng cùng một gói ma túy “ke” được bọc bằng tờ tiền 10.000 đồng. Sau khi mua được ma túy đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 18/01/2024, C1 đi xe taxi về khu vực số B đường L đón C và cùng C đi về phòng trọ của C tại 302/nhà N, ngõ C đường N, phường M để cùng sử dụng ma túy. Tại đây, C bảo C1 “đồ đâu bỏ ra chơi đi” thì C1 lấy gói ma túy “kẹo” và “ke” trong túi áo để ra giường cho C, sau đó C và C1 đã bẻ 03 viên ma túy “kẹo” ra thành nhiều mảnh nhỏ. Sau khi bẻ ma túy “kẹo”, C1 và C mỗi người sử dụng trước 01 mảnh nhỏ bằng cách nuốt, uống trực tiếp. Trong lúc này, C đã gọi điện rủ Hà Đức V và bảo V rủ thêm Nguyễn Ngọc Bích T1 (*Sinh ngày 04/01/2007 tại thời điểm sử dụng ma túy là 17 tuổi 02 ngày*) và một người tên B2 (*không rõ nhân thân*) đến phòng của C để cùng sử dụng ma túy. C1 thấy C rủ V nên C1 đã nhắn tin bảo V khi đến thì mua thêm thuốc lá, nước ngọt và hoa quả. Sau đó, V đã nhắn tin rủ T1 và B2 đến phòng C để sử

dụng ma túy, T1 và B2 đều đồng ý nên cả 3 người cùng nhau đến phòng trọ của C. Khi đã đông đủ cả 05 người gồm: C, C1, V, T1 và B2 thì C1 đã lấy đĩa sứ màu trắng ra và đặt ở giường còn V đã lấy gói ma túy “ke” ở trên giường (*được gói bằng tờ tiền 10.000 đồng*) rồi mở gói ma túy ra và đổ ra đĩa, sau đó lấy tờ tiền 10.000 đồng (*tờ tiền gói ma túy*) cuộn tròn thành ống để mọi người cùng sử dụng ma túy. Sau khi V đổ ma túy ra đĩa và cuộn tròn tờ tiền 10.000 đồng thành ống thì cả nhóm gồm: C, C1, V, T1 và B2 mỗi người sử dụng khoảng 2 đường ma túy “ke”. V sử dụng thêm 01 mảnh viên ma túy “kẹo” (*T1 không sử dụng ma túy “kẹo”*). Sau khi cả nhóm sử dụng ma túy xong thì số ma túy “kẹo” vẫn còn 02 mảnh bên trong túi nilông để lại tại phòng của C. Sau đó, cả nhóm nằm nghe nhạc và ngủ đến khoảng 07 giờ sáng cùng ngày thì C1, V và T1 tỉnh dậy và đi về phòng trọ 703 ngủ tiếp, còn B2 tỉnh dậy đi đâu không ai biết. Khoảng 10 giờ cùng ngày thì Công an phường M kiểm tra, phát hiện và tạm giữ C1, V và T1, sau đó Cơ quan điều tra đã dẫn giải C1, V và T1 đến phòng 302 nhà N, ngõ C đường N, phường M, N, Hà Nội phát hiện Phan Văn C và tạm giữ số ma túy còn lại trên mặt bàn.

Tại Kết luận giám định số: 961/KL-KTHS ngày 26/01/2024 của Phòng K, Công an thành phố H, kết luận như sau:

“- 02 mảnh viên nén màu trắng bên trong 01 túi nilông đều là ma túy loại MDMA, tổng khối lượng: 0,396 gam;

- 01 đĩa sứ màu trắng và 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng đều có dính ma túy loại Ketamine./.”

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Ngọc Bích T1. Ngày 19/02/2024 Công an quận N đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 403/QĐ-XPHC đối với T1 về hành vi: *“Sử dụng trái phép chất ma túy”* theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định số: 114/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2014, hình thức phạt tiền: 750.000 đồng. Ngày 29/01/2024, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý tài sản, trao trả chị Nguyễn Ngọc Bích T1: 01 điện thoại OPPO màu trắng có gắn 01 sim điện thoại.

Đối với đối tượng “Băng”, người sử dụng ma túy cùng với C, C1, V và T1, do C, C1, V và T1 đều không biết tên, tuổi, nhân thân của Băng nên Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra xác minh xử lý;

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Nguyễn Ngọc C1 tại khu vực cửa quán Bar ở H, Hà Nội. Công khai không biết tên, tuổi và địa chỉ của người đàn ông này và không nhớ địa chỉ của quán Bar nên Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra xác minh xử lý;

Đối với khối lượng 0,396 gam ma túy loại MDMA tạm giữ tại phòng của

C, quá trình điều tra xác định: C là người nhờ C1 mua hộ, mục đích để C cùng C1, V, T1 và B2 sử dụng. Tại phòng của C thì C1 đã đưa lại cho C toàn bộ số ma túy mà C1 đã mua hộ cho C. Sau khi C1, C, V, T1 và B2 sử dụng ma túy xong thì C1 cũng không biết số ma túy trên còn thừa và đã đi về phong trọ 703 của mình không còn quản lý số ma túy thừa trên. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý đối với C1 về hành vi: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*;

Tại Cơ quan điều tra, các Bị cáo khai nhận hành vi của các Bị cáo như đã nêu trên.

Theo Cáo trạng số: 158/CT-VKS-NTL ngày 25/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội truy tố Bị cáo Phan Văn C về tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* và tội: *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 và Điểm b, c, h Khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; Truy tố Bị cáo Nguyễn Ngọc C1 và Hà Đức V về tội: *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* theo quy định tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định như sau:

“Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, C2, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;./.

Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Đối với 02 người trở lên;

c) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi;

...

h) Tái phạm nguy hiểm.”

Tại phiên tòa: Các Bị cáo: Bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Ngọc C1 và Hà Đức V thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của các Bị cáo, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố Bị cáo Phan Văn C về tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* và tội: *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 và Điểm b, c, h Khoản 2

Điều 255 của Bộ luật Hình sự; Truy tố Bị cáo Nguyễn Ngọc C1 và Hà Đức V về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi các Bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các Bị cáo được sớm trở về với Gia đình.

Ý kiến của Người bào chữa cho Bị cáo Hà Đức V: Xác định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố Bị cáo Hà Đức V về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi Bị cáo V đã thực hiện. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Bị cáo V trước khi phạm tội Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, Bị cáo là người dân tộc thiểu số, nơi Bị cáo cư trú tại vùng miền núi đặc biệt khó khăn, lạc hậu, gia đình Bị cáo thuộc hộ nghèo, Bị cáo phạm tội do nhận thức pháp luật còn hạn chế, Bị cáo phạm tội giản đơn, sau khi phạm tội và tại phiên tòa, Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử cho Bị cáo V được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định Điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cho Bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, áp dụng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng có tác dụng giáo dục Bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nơi cư trú của Bị cáo tại Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, theo Quyết định số: 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính Phủ, về phê duyệt danh sách các xã khu vực III,II,I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, miễn án phí Tòa án cho Bị cáo theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, Kiểm sát viên đánh giá nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các Bị cáo như sau: Bị cáo Phan Văn C có nhân thân xấu, đã một lần bị kết án về tội rất nghiêm trọng, chưa được xóa án tích, Bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự nên Bị cáo C phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại Điểm h Khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Ngọc C1 và Hà Đức V trước khi phạm tội đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; Bị cáo V là người dân tộc thiểu số; Sau khi phạm tội và tại phiên tòa, các Bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình Bị cáo C có công với Cách mạng, đề nghị Hội đồng xét xử cho các Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, các Bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Kiểm sát viên kết luận: Giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo Phan Văn C về tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* và tội: *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 và Điểm b, c, h Khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; Truy tố Bị cáo Nguyễn Ngọc C1 và Hà Đức V về tội: *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* theo quy định tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt chính đối với các Bị cáo như sau:

Đối với Bị cáo Phan Văn C: Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm b, c, h Khoản 2 Điều 255; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự; Đề nghị mức án từ 12 đến 15 tháng tù về tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*; Từ 08 đến 09 năm tù về tội: *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”*. Buộc Bị cáo C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 09 năm đến 10 năm 03 tháng tù;

Đối với Bị cáo Nguyễn Ngọc C1: Áp dụng Điểm b, c Khoản 2 Điều 255; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Đề nghị mức án từ 07 năm 09 tháng đến 08 năm 03 tháng tù;

Đối với Bị cáo Hà Đức V: Áp dụng Điểm b, c Khoản 2 Điều 255; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Đề nghị mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù;

Về hình phạt bổ sung: Các Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy và 01 đĩa sứ hình tròn đã tạm giữ của Bị cáo C và C1; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước công cụ, phương tiện phạm tội của các Bị cáo gồm có: 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 01 loa màu đen, 01

đèn chiếu Lazer màu đen (*Tạm giữ của C*); 01 điện thoại Iphone XS Max (*Tạm giữ của V*); 02 điện thoại Iphone 14 Promax (*Tạm của C1 và C*); Về trách nhiệm dân sự: Không;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của các Bị cáo: Lời khai nhận tội của các Bị cáo: Phan Văn C, Nguyễn Ngọc C1 và Hà Đức V tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các Bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận giám định, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 01 giờ ngày 18/01/2024, tại khu vực số B, đường L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội, Phan Văn C đã rủ Nguyễn Ngọc C1 cùng sử dụng ma túy và bảo C1 ứng 2.800.000 đồng mua 03 viên ma túy loại MDMA và 01 gói ma túy loại Ketamine. Sau khi mua được ma túy, khoảng 01 giờ 30 phút ngày 18/01/2024, C và C1 đã mang ma túy về phòng trọ của C tại địa chỉ: P 302/nhà N, ngõ C đường N, phường M, quận N, thành phố Hà Nội rồi bẻ nhỏ 03 viên ma túy loại MDMA ra thành nhiều mảnh nhỏ, sau đó C và C1 mỗi người sử dụng 01 mảnh nhỏ ma túy loại MDMA. Sau khi sử dụng ma túy, C đã rủ Hà Đức V đến phòng của C để sử dụng ma túy và bảo V rủ thêm Nguyễn Ngọc Bích T1 (*Sinh ngày 04/01/2007 tại thời điểm sử dụng ma túy là 17 tuổi 02 ngày*) và B2 (*không rõ nhân thân*) đến phòng của C cùng sử dụng ma túy. Sau đó, V đã rủ T1 và B2 đến phòng của C để sử dụng ma túy. Tại đây V đã mở gói ma túy loại Ketamine đổ ra đĩa và dùng tờ tiền 10.000 đồng cuộn tròn thành ống để mọi người cùng sử dụng ma túy, sau đó C, C1, V, T1 và B2 cùng nhau sử dụng hết số ma túy loại Ketamine, ngoài ra V còn sử dụng 01 mảnh ma túy loại MDMA. Sau khi sử dụng ma túy xong, số ma túy loại MDMA còn lại (02 mảnh) là 0,396 gam đã để lại tại phòng của C. Sau đó cả nhóm đi ngủ, đến 07 giờ cùng ngày, C1, V và T1 về phòng trọ 703, số nhà E đường M (*còn B2 đi đâu không ai biết*) và đến 10 giờ cùng ngày thì bị Công an phường M kiểm tra, phát hiện tạm giữ C, C1, V và T1 cùng vật chứng.

Hành vi nêu trên của Bị cáo Phan Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 và Điểm b, c, h Khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; Hành vi nêu trên của Bị cáo Nguyễn Ngọc C1 và Hà Đức V đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự;

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố các Bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Ngọc C1 và Hà Đức V về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của các Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến những quy định của Nhà N về chế độ quản lý các chất ma túy. Các Bị cáo thực hiện hành vi: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức rõ là hành vi nguy hiểm cho xã hội, nhưng các Bị cáo vẫn cố ý thực hiện, vì vậy, các Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự;

[2] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các Bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Ngọc C1 và Hà Đức V, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Phan Văn C có nhân thân xấu, đã một lần bị kết án về tội rất nghiêm trọng, chưa được xóa án tích, Bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự nên Bị cáo C phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại Điểm h Khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Nguyễn Ngọc C1 và Hà Đức V trước khi phạm tội đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; Bị cáo V là người dân tộc thiểu số; Sau khi phạm tội và tại phiên tòa, các Bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình Bị cáo C có công với Cách mạng, đề nghị Hội đồng xét xử cho các Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, các Bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các Bị cáo là nghiêm trọng, thể hiện ở mục đích phạm tội, căn cứ vào nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các Bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn đối với các Bị cáo, cách ly các Bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các Bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử đánh giá vai trò thực hiện hành vi phạm tội của mỗi Bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với mỗi Bị cáo.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với các Bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các Bị cáo và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử; Xét thấy Bị cáo C1 và V phạm tội lần đầu, Hội đồng xét xử cho các Bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội, áp dụng mức hình phạt đối với Bị cáo C1 và

V thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, cũng là bài học để các Bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[5] Về ý kiến của Người bào chữa cho Bị cáo Hà Đức V là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Không.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Đ2 a, b Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch thu tiêu hủy vật cấm tàng trữ: 01 phong bì niêm phong có chữ ký giáp lai của Phan Văn C, cán bộ Trần Hải N1 và Giám định viên Trương Trọng V1 và dấu của Công an phường M; 01 phong bì niêm phong có chữ ký giáp lai của Nguyễn Ngọc C1, cán bộ Trần Hải N1 và Giám định viên Trương Trọng V1 và dấu của Công an phường M;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước phương tiện, công cụ phạm tội của các Bị cáo gồm có: 01 Loa màu đen; 01 đèn Lazer màu đen; 10.000 đồng (*Bằng chữ: Mười nghìn đồng*); 02 điện thoại Iphone 14 Promax, màu tím, có gắn 01 sim, đã qua sử dụng (*Tạm giữ của Phan Văn C và Nguyễn Ngọc C1*); 01 điện thoại Iphone XS Max, màu đen tạm giữ của Hà Đức V;

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các Bị cáo, Người bào chữa của Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;

Xét đơn xin miễn án phí của Bị cáo Hà Đức V, Hội đồng xét xử nhận thấy địa chỉ nơi cư trú của Bị cáo là vùng dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Kạn, theo Quyết định số: 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính Phủ, về phê duyệt danh sách các xã khu vực III,II,I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án, nên miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho Bị cáo như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn C phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bị cáo Nguyễn Ngọc C1 và Hà Đức V phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

Căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm b, c, h Khoản 2 Điều 255; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Phan Văn C 07 (Bảy) năm 09 (C3) tháng tù** về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, **01 (Một) năm tù** về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. **Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phan Văn C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là: 08 (Tám) năm 09 (Chín) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/01/2024;

Căn cứ vào Điểm b, c Khoản 2 Điều 255; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Ngọc C1 07 (Bảy) năm 05 (Năm) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/01/2024;

Xử phạt: Bị cáo **Hà Đức V 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/01/2024;

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Đ2 a, b Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch thu tiêu hủy vật cấm tàng trữ: 01 phong bì niêm phong có chữ ký giáp lai của Phan Văn C, cán bộ Trần Hải N1 và Giám định viên Trương Trọng V1 và dấu của Công an phường M; 01 phong bì niêm phong có chữ ký giáp lai của Nguyễn Ngọc C1, cán bộ Trần Hải N1 và Giám định viên Trương Trọng V1 và dấu của Công an phường M;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước phương tiện, công cụ phạm tội của các Bị cáo gồm có: 01 Loa màu đen; 01 đèn Lazer màu đen; 10.000 đồng (*Bằng chữ: Mười nghìn đồng*); 02 điện thoại Iphone 14 Promax, màu tím, có gắn 01 sim, đã qua sử dụng (*Tạm giữ của Phan Văn C và Nguyễn Ngọc C1*); 01 điện thoại Iphone XS Max, màu đen tạm giữ của Hà Đức V;

(Có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng số 234 ngày 09/7/2024

tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản Kho bạc Nhà nước N2, thành phố Hà Nội ngày 08/7/2024)

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136, Khoản 1 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Bị cáo V được miễn nộp tiền án phí Hình sự sơ thẩm; Các Bị cáo: C và C1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các Bị cáo; Người bào chữa;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận :

- Các Bị cáo;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận :

- Các Bị cáo;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận :

- Bị cáo;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận :

- Bị cáo;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận :

- Bị cáo;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận :

- Bị cáo;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận :

- Bị cáo;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận :

- Bị cáo;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận :

- Bị cáo;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

TRẦN NGỌC ANH; NGUYỄN XUÂN HÒA & ĐP

(24 B/c)

VKS Nam Từ Liêm truy tố tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*”

(KSV: Thơ)